

Bản án số: 116/2017/HSST

Ngày: 26-7-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lệ Thu;

2. Ông Nguyễn Thanh Toàn - Ủy viên Ban chấp hành

Quận đoàn 7;

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 132/2017/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2017/QĐST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Hoàng P (tên gọi khác: Đ); Giới tính: Nam; Sinh ngày 15/11/1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 50/7 đường P, khu phố 3, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Lê Văn N, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1969; Chưa có vợ, con; Tiền sự, tiền án: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2017, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Võ Hoàng T (tên gọi khác: Cu); Giới tính: Nam; Sinh ngày 18 tháng 7 năm 2001, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Không có; Tạm trú: 39/3 đường P, tổ 5, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên làm phụ hồ; Trình độ học vấn: lớp 04/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Võ Hà T, sinh năm 1967 và bà Tô Thị N, sinh năm 1970; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2017, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Hoàng T: Ông Vũ Hữu Thiên A, là luật sư Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Võ Hoàng T: Ông Võ Hà T, sinh năm 1967 và bà Tô Thị N, sinh năm 1970; Nơi cư trú: 39/3 đường P, tổ 5, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

Người bị hại: Bà Huỳnh Thị Kiều L, sinh năm 1995; Nơi cư trú: 604/15E đường S, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: 204/129 đường B, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

2. Ông Võ Quốc K, sinh năm 1975; Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 19/02/2017, P rủ T đi cướp giật tài sản của người đi đường bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, T đồng ý. T điều khiển xe máy gắn biển số 62F5-6187 chở P lòng vòng địa bàn Quận 7, Quận 8 để thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản”. Khi đến ngã tư đường Nguyễn Thị Thập và đường số 5 khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, P phát hiện chị Huỳnh Thị Kiều L đang ngồi trên xe máy, tay bấm điện thoại thì P nói với T chạy áp sát xe chị Lan. P ngồi sau giật điện thoại của chị Lan, rồi tăng ga tẩu thoát. P, T mang điện thoại cướp giật được đến cầm cho Nam (chưa rõ lai lịch) với giá 300.000 đồng, đổi lấy ma túy sử dụng.

Đến sáng ngày 20/02/2017, T mượn tiền của bạn tên Tuyền (chưa rõ lai lịch) chuộc lại điện thoại và cùng P qua Quận 4 bán thì bị Công an Quận 4 phát hiện, bắt giữ cùng tang vật chuyển Công an Quận 7 xử lý.

Người bị hại là chị Huỳnh Thị Kiều L đã đến Công an trình báo, nhận dạng được Lê Hoàng P, cùng tài sản là chiếc điện thoại Oppo F1 của mình bị cướp giật.

Ngoài ra, P, T còn khai nhận, với thủ đoạn tương tự đã thực hiện cướp giật được chiếc điện thoại hiệu Samsung Galaxy A9 của 01 thanh niên đi bộ trước nhà số 167 Phạm Hữu Lầu, phường Phú Mỹ, Quận 7 vào thời gian khoảng 05 ngày trước đó và đem bán cho cửa hàng anh Nguyễn Đình T (địa chỉ 73 đường Đ, Quận B) được 4.800.000 đồng, chia đôi mỗi người được 2.400.000 đồng, tiêu xài hết.

Cơ quan cảnh sát điều tra truy xét, thông báo tìm người bị hại nhưng chưa xác định được và chưa thu hồi được chiếc điện thoại hiệu Samsung Galaxy A9.

Kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTTTHS ngày 27/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận 7 kết luận: 01 điện thoại di động Oppo F1, tính đến thời điểm bị xâm phạm, có giá trị là 2.000.000 đồng; điện thoại hiệu Samsung Galaxy A9 tính đến thời điểm bị xâm phạm, có giá trị là 5.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án thu giữ:

Điện thoại Oppo F1 (đã qua sử dụng) đã trả cho chị Huỳnh Thị Kiều L.

Xe máy là phương tiện các bị cáo sử dụng phạm tội gắn biển số 62F5-6187, số khung: S100-200001161, số máy: HA09E-8019341, có dấu hiệu bị đục, cắt, hàn.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là bà Huỳnh Thị Kiều L đã nhận lại tài sản điện thoại Oppo F1, không có yêu cầu.

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội về hành vi bị cáo Võ Hoàng T điều khiển xe gắn máy chở bị cáo Lê Hoàng P ép sát người bị hại để bị cáo P thực hiện hành vi dùng tay giật lấy điện thoại của người bị hại; các bị cáo đồng ý nộp lại số tiền thu lợi bất chính, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Bản Cáo trạng số 131/CTr - VKS ngày 14/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Lê Hoàng P và Võ Hoàng T phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009);

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Hoàng P và Võ Hoàng T tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai của người liên quan tại cơ quan điều tra và phù hợp với vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Lê Hoàng P và Võ Hoàng T đã có hành vi vừa điều khiển xe máy vừa dùng tay nhanh chóng, bất ngờ chiếm đoạt điện thoại Oppo F1 có trị giá 2.000.000 đồng của bà Huỳnh Thị Kiều L và điện thoại hiệu Samsung Galaxy A9 tính đến thời điểm bị xâm phạm, có giá trị là 5.000.000 một cách trái pháp luật, hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội cướp giật tài sản. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Hoàng P và Võ Hoàng T về tội cướp giật tài sản; Đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm d Khoản 2 Điều 136; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm g, n Khoản 1 Điều 48, Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) xử phạt bị cáo Lê Hoàng P từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

- Điểm d Khoản 2 Điều 136; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) xử phạt bị cáo Võ Hoàng T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về dân sự: người bị hại không yêu cầu nên không xét.

Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1 màu xám, Cơ quan điều tra đã trả cho người bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét;

- 01 xe gắn máy biển số 62F5-6187, số khung: S100-200001161, số máy: HA09E-8019341, có dấu hiệu bị đục, cắt, hàn thu giữ của Võ Hoàng T. Võ Hoàng T khai mua lại của bạn tên Sơn (chưa rõ lai lịch) sử dụng, không có giấy đăng ký sở hữu. Kết quả xác minh: Biển số 62F5-6187 do ông Võ Quốc K đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ông K khai ông mua xe trên nhưng đến năm 2005 đã bán lại cho người khác không rõ lai lịch, chưa sang tên chủ sở hữu; Kết quả giám định thì số khung: S100-200001161, số máy: HA09E-8019341 không xác định được nên đề nghị tịch thu sung quỹ. Buộc mỗi bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.400.000đ.

Tại phiên tòa, luật sư Vũ Hữu Thiên A trình bày như sau: Theo hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ tại cơ quan điều tra nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội cướp giật tài sản. Đại diện Viện kiểm sát đã nêu các tình tiết giảm nhẹ nhưng cần xem xét tình tiết các bị cáo không bị bắt phạm tội quả tang mà tự thú về các hành vi phạm tội, tài sản bị cáo cướp giật đã trả cho người bị hại, thiệt hại gây ra không lớn nên cần xem xét thêm cho bị cáo T hưởng điểm g, p, o Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) và đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo T dưới khung hình phạt. Về độ tuổi của bị cáo Võ Hoàng T theo Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi kết luận “...Võ Hoàng T có độ tuổi từ: Trên 16 tuổi đến 16 tuổi 6 tháng”, Cơ quan điều tra xác định ngày sinh của bị cáo Võ Hoàng T sinh ngày 18/7/2001 nghĩa là đến ngày phạm tội bị cáo chưa đủ 16 tuổi nên áp dụng hình phạt cho bị cáo T đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo T trình bày: ở nhà bị cáo cũng chịu khó làm ăn, nghe lời cha mẹ nên đề nghị Tòa xét xử cho T mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Lê Hoàng P đề nghị được áp dụng hình phạt nhẹ để sớm về với gia đình; Bị cáo Võ Hoàng T đề nghị được xét xử nhẹ để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời đi làm nuôi gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Bị cáo Võ Hoàng T đã có hành vi điều khiển xe gắn máy chở bị cáo Lê Hoàng P ép sát người bị hại để bị cáo P thực hiện hành vi dùng tay giật lấy điện thoại của người bị hại. Hành vi này của các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009).

[2] Các bị cáo là đồng phạm nhưng có tính chất giản đơn, trong đó: Bị cáo P có vai trò chủ mưu, rủ rê và là trực tiếp thực hiện hành vi giật tài sản của người bị hại, còn bị cáo T là người điều khiển xe gắn máy áp sát vào xe người bị hại để bị cáo P thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong một thời gian ngắn các bị cáo đã liên tiếp thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, Khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009). Riêng bị cáo Lê Hoàng P là người thành niên đã có hành vi rủ rê, xúi giục bị cáo T là người chưa thành niên phạm tội nên còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, một số tài sản chiếm đoạt đã kịp thời thu hồi trả lại người bị hại, hai bị cáo hợp tác cơ quan điều tra khai thêm hành vi cướp giật đã thực hiện trước đó nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009).

[5] Khi phạm tội, bị cáo T là người chưa thành niên nên bị cáo còn được áp dụng những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội để lượng hình theo Điều 69, Điều 71, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009).

[6] Các bị cáo có nhân thân chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính nhưng do tham lam tư lợi, lười nhác lao động, bằng thủ đoạn táo bạo và liều lĩnh đã cố ý thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân, không những gây mất trật tự trị an xã hội mà còn có thể gây nguy hiểm đến tính mạng sức khỏe người bị hại.

Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét quyết định mức hình phạt cho tương xứng với tính chất vụ án, vai trò, nhân thân của các bị cáo để cải tạo giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa tình trạng tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng, gây mất trị an xã hội, đe dọa gây nguy hại đến tính mạng và sức khỏe của người khác.

[7] Về phần trình bày của người bào chữa cho bị cáo Võ Hoàng T về việc đề nghị cho bị cáo T hưởng tình tiết giảm nhẹ đầu thú theo điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009), Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo T không tự mình nhận tội, khai ra hành vi phạm tội của mình trong khi chưa ai phát hiện được bị cáo phạm tội mà khi bị cơ quan điều tra truy xét, bị cáo không thể trốn tránh được nên bị cáo T và P mới khai nhận hành vi phạm tội; Vì vậy không áp dụng tình tiết đầu thú cho bị cáo T.

[8] Quá trình phạm tội, bị cáo P thu lợi bất chính là 2.400.000đ, bị cáo T thu lợi bất chính được 2.400.000đ, xét đây là khoản tiền do bán tài sản trộm cắp mà có Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009); Điểm c Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự nên buộc các bị cáo nộp lại để tịch thu sung quỹ nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, người bị hại là bà Lan đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác, tại phiên tòa vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xét.

[10] Vật chứng vụ án:

- Điện thoại Oppo F1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả cho bị hại là chị Huỳnh Thị Kiều Lan nên Hội đồng xét xử không xét

- 01 (Một) xe máy loại Dream; Màu nhỏ; Biển số: 62F5-6187, số khung: S100-200001161, số máy: HA09E-8019341, có dấu hiệu bị đục, cắt, hàn. Võ Hoàng T khai mua lại của bạn tên Sơn (chưa rõ lai lịch) sử dụng, không có giấy đăng ký sở hữu.

Đối với xe có số khung S100-200001161, số máy HA09E-8019341: Theo Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 15/3/2017 của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì không tìm thấy dữ liệu tra cứu; Theo Kết luận giám định số 3447/KLGD-X(Đ3) ngày 31/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: số khung số máy nguyên thủy không xác định được.

Đối với biển số 62F5-6187: Theo Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 15/3/2017 của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an Thành phố Hồ Chí Minh là biển số của chiếc xe máy nhãn hiệu Fashion, số máy LC150FMIVY-0583104, số khung FS100-200001161 do ông Võ Quốc K đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ông Khánh khai đã mua xe trên vào năm 2000 và đứng tên đăng ký, khoảng năm 2005 ông đã bán lại cho người khác không rõ lai lịch và chưa sang tên chủ sở hữu;

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã có công văn đề nghị đăng thông báo tìm chủ sở hữu.

Căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009); Điểm b Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tiếp tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn nhất định để tìm người quản lý hợp pháp của xe. Hết thời hạn thông báo mà vẫn không tìm được người quản lý hợp pháp thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[11] Đối với người tên Nam (chưa rõ lai lịch) cầm điện thoại đổi ma túy cho P, T sử dụng; người tên Tuyên (chưa rõ lai lịch), Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục truy xét làm rõ, đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[12] Đối với Nguyễn Đình T là người mua điện thoại Samsung Galaxy A9 của P và T, không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

[13] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Hoàng P và Võ Hoàng T cùng phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Áp dụng Điều d Khoản 2 Điều 136; Điều p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46; Điều g, n Khoản 1 Điều 48; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009):

Xử phạt: Bị cáo Lê Hoàng P 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù

Thời hạn tù tính từ ngày 21/02/2017.

2. Áp dụng Điều d Khoản 2 Điều 136; Điều p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46; Điều g, Khoản 1 Điều 48; Điều 20, Điều 69, Điều 70, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009):

Xử phạt: Bị cáo Võ Hoàng T 02 (Hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2017.

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009); Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Lê Hoàng P nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Võ Hoàng T nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày để tìm người quản lý hợp pháp chiếc xe gắn máy loại Dream; Màu: Nho; số khung: S100-200001161, số máy: HA09E-8019341. Trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà tìm được người quản lý hợp pháp thì trả lại xe. Hết thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà vẫn không tìm được người quản lý hợp pháp thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy biển số 62F5-6187.

(Theo biên bản bàn giao nhận vật chứng, tài sản số 109 ngày 25/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh)

4. Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015:

Kể từ ngày cơ quan Thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án về khoản tiền bị cáo Lê Hoàng P và Võ Hoàng T phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước, nếu bị cáo Lê Hoàng P và Võ Hoàng T chưa thi hành các khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

5. Áp dụng Điều 98, Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Mai Trần Cảnh